

**TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **144/2026/HC-PT**

Ngày: 05/5/2026

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các Thẩm phán: ông **Phùng Anh Dũng**

 ông **Đặng Kim Nhân**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Đinh Văn Chánh**, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở, Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 242/2025/TLPT-HC ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2025/HC-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 779/2026/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: ông Nguyễn Văn L (Nguyễn Thế L1), sinh năm 1950; nơi cư trú: phòng P10, D, khu tập thể Xã T, phường T, quận P, thành phố H (nay là phường P, thành phố H); có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện: ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1982 và ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1996; nơi cư trú: phòng P, D, khu tập thể Xã T, phường T, quận P, thành phố H (nay là phường P, thành phố H); ông N có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân quận P, thành phố H.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân quận P, thành phố H: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H.

Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện: ông Võ Văn L2, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người kháng cáo: người khởi kiện ông Nguyễn Văn L.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/01/2025, bản tự lời khai ngày 06/3/2025, ngày 19/3/2025, biên bản lấy lời khai ngày 04/9/2025 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, người khởi kiện ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ông Nguyễn Văn L là người sử dụng đối với thửa đất số T1791 (nay là thửa số 175), tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại phường T, quận P, thành phố H (nay là phường P, thành phố H). Thửa đất này có nguồn gốc do vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị C1 nhận chuyển nhượng nhà đất từ ông Trương Thanh X và bà Đinh Thị L3 từ năm 1990, theo Giấy thỏa thuận và mua bán nhà lập ngày 26/06/1990 có xác nhận của UBND phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) nay là phường P, thành phố H. Đến ngày 07/10/1997, vợ chồng ông được UBND tỉnh T (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3301040145, đến ngày 05/09/2019 được đăng ký biến động thừa kế cho ông L. Phần diện tích đất được cấp giấy chứng nhận là 38,5m², tuy nhiên thực tế toàn bộ thửa đất mà ông sử dụng sau khi nhận chuyển nhượng nhà từ năm 1990 là lớn hơn. Thực hiện dự án Bảo tồn, tu bổ và tôn tạo hệ thống kinh thành Huế, thuộc thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) tiến hành đo đạc và xác định phần diện tích thực tế mà gia đình ông sử dụng là 229,4m. Do đó, UBND thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) quyết định thu hồi diện tích 229,4m² do ông đang sử dụng tọa lạc tại thửa đất số 175, tờ bản đồ số 01 theo Quyết định số 10217/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ).

Quá trình thu hồi, UBND thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) đã ban hành Quyết định số 10101/QĐ- UBND ngày 30/12/2021 và Quyết định số 8467/QĐ-UBND ngày 07/11/2022, với nội dung:

- Bồi thường mức 100% đối với diện tích đất ở là 38,5m²;
- Hỗ trợ mức 49,5% đối với diện tích đất ở là 69,55m²;
- Không bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 121,35 m² còn lại do sử dụng sau ngày 01/7/2004.

Ông Nguyễn Văn L cho rằng mức bồi thường, hỗ trợ nêu trên là không đúng bởi lẽ: Gia đình ông đã sử dụng toàn bộ diện tích nêu trên tại thửa đất số T1791 (nay là thửa số 175), tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại phường T, quận P, thành phố H (nay là phường P, thành phố H), thời điểm nhận chuyển nhượng từ năm 1990 cho đến nay. Quá trình này, gia đình ông sinh sống ổn định, liên tục và không có bất

kỳ tranh chấp nào đối với các hộ liền kề. Chính những hộ dân xung quanh sống lâu năm cũng xác nhận nội dung này.

Tại sổ mục kê của UBND phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) nay là phường P, thành phố H lập năm 1998 và bản đồ 202 thể hiện phần diện tích đất mà Ông sử dụng được đo vẽ thành 02 thửa là thửa số 159, diện tích 108,05m² đứng tên ông L và thửa số 270, diện tích 127,16m đứng tên UBND phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) nay là phường P, thành phố H phần ghi chú ghi là “WC dãy 38 KTT Xã Tắc”. Nội dung này thể hiện không đúng quá trình sử dụng đất từ trước đến nay, cũng như không phù hợp thực tế, bởi lẽ trên toàn bộ diện tích đất này chưa bao giờ tồn tại phòng vệ sinh (WC) của dãy 38 KTT Xã Tắc. Phần phòng vệ sinh này nằm ở một vị trí khác. Đồng thời ông L là người sử dụng toàn bộ thửa đất, trồng cây cối lâu năm mà hiện nay vẫn tồn tại trên thửa đất.

Phía các cấp có thẩm quyền cho rằng quá trình sử dụng đất gia đình ông L có coi nói, chiếm dụng, cho rằng phần diện tích đất tăng là từ sau 01/07/2004 tuy nhiên không có căn cứ chứng minh. Thực tế gia đình ông chưa từng bị các cấp có thẩm quyền lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi lấn chiếm đất đai, các hộ gia đình xung quanh cũng xác nhận ranh giới không tranh chấp, thửa đất mà ông L sử dụng có tường bao quanh, ổn định. Vậy dựa vào căn cứ nào để UBND thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) nay là phường P, thành phố H đưa ra những nhận định này, từ đó không hỗ trợ, bồi thường phần diện tích đất còn lại cho ông nên ông L cho rằng UBND thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) nay là phường P, thành phố H phải bồi thường với mức 100% cho toàn bộ diện tích 229,4m² do ông đang sử dụng tọa lạc tại thửa đất số 175, tờ bản đồ số 01 mới phù hợp.

Liên quan đến các vấn đề nêu trên, ông đã có các văn bản kiến nghị đến cấp có thẩm quyền. Ngày 13/08/2024, UBND thành phố H ban hành Công văn số 773/UBND-GPMB với nội dung: “UBND thành phố Huế ban hành Quyết định số 10101/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ về đất, tài sản gắn liền với đất đối với ông là đúng quy định”. Ông cho rằng những văn bản, quyết định này không đúng quy định và ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông. Nay, ông Nguyễn Văn L yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Huế tuyên:

- Huỷ một phần Quyết định số 10101/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) đối với các nội dung liên quan đến ông Nguyễn Văn L;

- Huỷ một phần Quyết định số 8467/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) đối với các nội dung liên quan đến ông Nguyễn Văn L được phê duyệt tại Phụ lục 1, số thứ tự 43.

- Hủy Công văn số 7573/UBND-GPMB ngày 13/08/2024 Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) được phê duyệt tại Phụ lục 2, số thứ tự 95.

- *Người bị kiện* UBND quận P, thành phố H (*Chủ tịch* UBND phường P, thành phố H là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng) trình bày:

Đối với nội dung cung cấp Văn bản ghi ý kiến về yêu cầu hủy một phần Quyết định số 10101/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là quận P, thành phố H) đối với các nội dung liên quan đến ông Nguyễn Văn L; Hủy một phần Quyết định số 8467/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là quận P, thành phố H) đối với các nội dung liên quan đến ông Nguyễn Văn L; Hủy Công văn số 7573/UBND-GPMB ngày 13/8/2024 của UBND thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là quận P, thành phố H) UBND quận P không ghi nội dung đối với ý kiến nêu trên. Kèm theo Công văn UBND quận P, thành phố H (cũ) cung cấp các tài liệu chứng cứ sau:

- Bảo sao toàn bộ hồ sơ phê duyệt bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ và phương án bố trí tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân thực hiện dự án Bảo tồn, tu bổ và tôn tạo hệ thống Kinh Thành H, khu vực Đàn X phường T, thành phố H(cũ); hồ sơ phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất; hồ sơ thu hồi đất thực hiện dự án liên quan đến ông Nguyễn Văn L theo Quyết định số 8467/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 và Quyết định số 10101/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Quận P, thành phố H).

- Bản sao toàn bộ hồ sơ liên quan đến việc giải quyết kiến nghị theo Công văn số 7573/UBND-GPMB ngày 13/8/2024 của UBND thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Quận P, thành phố H).

- Bản sao Hồ sơ thu hồi đất của ông Nguyễn Văn L tại địa chỉ phòng 10 dãy 38 Khu tập thể X, phường T, quận P bao gồm: Tờ khai nguồn gốc sử dụng đất, công trình kiến trúc được UBND phường T xác nhận; Biên bản kiểm kê tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3301040145 do UBND tỉnh T cấp ngày 07/10/1997 cho ông, bà Nguyễn Thế L1 - Lê Thị C1. Ngày 05/9/2019, Văn phòng Đ xác nhận thừa kế cho ông Nguyễn Văn L (Nguyễn Thế L1); Sổ hộ khẩu số 580142482 tại địa chỉ 10/38 khu tập thể Xã Tắc do ông Nguyễn Văn L là chủ hộ được Công an thành phố H xác nhận ngày 29/4/2013; Căn cước công dân số 042050008018 của ông Nguyễn Văn L được Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 18/9/2021; Quyết định số 10217/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND thành phố H về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng của ông Nguyễn Văn L tại thửa đất số T.1791 trích ra, tờ bản đồ số 01(theo Giấy chứng nhận QSD đất), tọa lạc tại phường T, thành phố H; Sổ hộ khẩu số 580359093 tại địa chỉ 10/38 khu tập thể Xã Tắc do ông Nguyễn Hoài T1 là chủ hộ được Công an thành phố H xác nhận ngày 13/3/2021; Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2016 của ông, bà Nguyễn Hoài Thanh Phan Thị D; Giấy chứng nhận kết hôn số 23/2015 của ông, bà Nguyễn Văn Nam Nguyễn Thị L4; Giấy chứng nhận kết hôn số 44/2016 của ông, bà Nguyễn Văn G – Hồ Thị My N1.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2025/HC-ST ngày 30/9/2025, Tòa án nhân dân thành phố Huế quyết định: căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116; khoản 3 Điều 135; khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 158; khoản 2 Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 5, điểm b khoản 6 Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; điểm a khoản 2 Điều 66; điểm a khoản 3 Điều 69; khoản 3 Điều 71 của Luật đất đai năm 2013; Điều 12 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017 sửa đổi, bổ sung Điều 11 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định 37/2018/QĐ-UBND ngày 19/6/2021 của UBND tỉnh T; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L về việc hủy một phần Quyết định số 10101/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường P, thành phố H) liên quan đến hộ ông Nguyễn Văn L được phê duyệt tại Phụ lục 1, số thứ tự 43; Quyết định số 8467/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường P, thành phố H) liên quan đến hộ ông Nguyễn Văn L được phê duyệt tại Phụ lục 2, số thứ tự 95 và hủy Công văn số 7573/UBND-GPMB ngày 13/08/2024 Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường P, thành phố H) giải quyết khiếu nại đối với ông Nguyễn Văn L.

Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/10/2025, ông Nguyễn Văn L kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông theo hướng hủy một phần Quyết định số 10101/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 và Quyết định số 8467/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND thành phố H (cũ), buộc người bị kiện bồi thường 100% giá trị đất đối với diện tích 69,55m² và 121,5m² đã phê duyệt theo các quyết định nêu trên.

Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Văn L là ông Nguyễn Văn N giữ nguyên nội dung kháng cáo;

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính;

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: ngày 07/10/2025, người khởi kiện ông Nguyễn Văn L kháng cáo bản án sơ thẩm, Đơn kháng cáo của người khởi kiện trong thời hạn quy định tại Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Thực hiện dự án Bảo tồn, tu bổ và tôn tạo hệ thống Kinh thành H tại khu vực Đ Xã T, phường T, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành quyết định thu hồi đất, trong đó có 229,4m² diện tích đất của ông Nguyễn Văn L sử dụng. Theo Quyết định số 10101/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 (Quyết định số 10101) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất của các hộ gia đình, cá nhân thực hiện dự án Bảo tồn, tu bổ và tôn tạo hệ thống Kinh thành H tại khu vực Đ Xã T, phường T, UBND thành phố H đã phê duyệt bồi thường đối với ông Nguyễn Văn L tại Phụ lục 1, số thứ tự 43. Ngày 07/11/2022, UBND thành phố H tiếp tục ban hành Quyết định số 8467/QĐ-UBND (Quyết định số 8467) về việc phê duyệt bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ và phương án bố trí tái định cư của các hộ gia đình, cá nhân thực hiện dự án Bảo tồn, tu bổ và tôn tạo hệ thống Kinh thành H tại khu vực Đ Xã T, phường T, trong đó hộ ông Nguyễn Văn L được phê duyệt tại Phụ lục 2, số thứ tự 95. Không đồng ý với nội dung của 02 quyết định nói trên, ông Nguyễn Văn L có đơn khiếu nại và được UBND thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế giải quyết khiếu nại tại Công văn số 7573/UBND-GPMB ngày 13/8/2024 (Công văn số 7573). Ngày 29/11/2024, ông Nguyễn Văn L khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định số 10101, 8467 và Công văn số 7573. Tòa án nhân dân thành phố Huế thụ lý, giải quyết là đúng đối tượng, đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 255 Luật Tố tụng Hành chính tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung: xét kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử xem xét các vấn đề sau:

[2.1]. Về mức bồi thường đối với diện tích 69,55m² đất đã được phê duyệt theo Phụ lục 1, số thứ tự 43 tại Quyết định số 10101/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND thành phố H:

Theo sổ mục kê của UBND phường T năm 1999, ông Nguyễn Văn L kê khai diện tích 108,5m² thuộc thửa đất số 259, trong đó có diện tích đất 38,5m² đã được UBND tỉnh T cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3301040145 ngày 07/10/1997 nên được bồi thường 100%. Phần diện tích còn lại 69,55m² ông Nguyễn Văn L không được cấp giấy chứng nhận do không được

chính quyền địa phương xác nhận đất phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đất không có tranh chấp. Mặt khác, tại Tờ khai nguồn gốc sử dụng đất công trình kiến trúc, UBND phường T xác nhận diện tích đất 69,55m² do hộ ông L coi nói chiếm dụng liền kề từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004. Do đó, UBND thành phố H căn cứ điểm 2, mục 3.2.3 của Khung chính sách di dời, giải phóng mặt bằng của UBND tỉnh T theo Tờ trình số 474/TTr-UBND ngày 18/01/2021 của UBND tỉnh T quy định: “2) *Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/07/2004:*

Trường hợp sử dụng đất có nhà ở từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/07/2004 thì được hỗ trợ bằng 50% giá bồi thường đất ở đối với phần diện tích theo hiện trạng đang sử dụng nhưng không vượt quá hạn mức giao đất tại địa phương ...” đề hỗ trợ bồi thường đối với phần diện tích 69,55m² với mức 49,5% là phù hợp, đúng quy định pháp luật. Vì vậy, nội dung kháng cáo yêu cầu bồi thường 100% giá trị đối với diện tích 69,55m² nêu trên của ông L không có cơ sở chấp nhận.

[2.2]. Về mức bồi thường đối với diện tích 121,5 m² đất đã được phê duyệt theo Phụ lục số 2, số thứ tự 95 tại Quyết định số 8467/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND thành phố H:

Sau khi nhận chuyển nhượng nhà đất, ngày 07/10/1997 vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị C1 được UBND tỉnh T (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3301040145. Ngày 05/09/2019 ông Nguyễn Văn L đăng ký biến động thừa kế với diện tích 38,5m² đúng với diện tích mà ông L nhận chuyển nhượng. Trong khi đó, tại *Phần xác nhận thêm* của Tờ khai nguồn gốc sử dụng đất công trình kiến trúc, UBND phường T xác nhận diện tích 121,35m² tăng thêm so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do coi nói đất liền kề, thời điểm coi nói sau 01/7/2004. Đồng thời, tại Sổ mục kê của UBND phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường P, thành phố H) xác lập năm 1998 và Bản đồ 202 thể hiện thửa đất số 270, diện tích 127,16m², tọa lạc tại phường T, quận P, thành phố H do UBND phường T kê khai, có phần ghi chú trong Sổ mục kê là “*WC dẫy 38 KTT Xã Tắc*”, chủ sử dụng thửa đất số 270, diện tích 127,16m² là UBND phường T, loại đất CDK- tức là đất phục vụ mục đích công cộng.

Như vậy, có căn cứ xác định, UBND phường T là người kê khai, đứng tên chủ sử dụng đối với diện tích 121,5m² đất nói trên, diện tích này do ông L coi nói để sử dụng. Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn L không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh là chủ sử dụng đất hợp pháp đối với diện tích 121,5m² đất này. Do đó, ông L không đủ điều kiện để bồi thường về đất theo quy định tại khoản 4 Điều 54, khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai, khoản 4 Điều 12 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông L đề nghị bồi thường 100% giá trị đất đối với 121,5m² là phù hợp, đúng quy định nên yêu cầu kháng cáo này của ông L không có cơ sở chấp nhận.

[3]. Như vậy, kháng cáo của ông Nguyễn Văn L đã được Tòa án xem xét nhưng không có căn cứ để chấp nhận. Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà.

[4]. Án phí hành chính phúc thẩm: ông Nguyễn Văn L là người cao tuổi nên được miễn.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính;

Bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn L. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2025/HC-ST ngày 30/9/2025 của Toà án nhân dân thành phố Huế.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: căn cứ khoản 1 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Ông Nguyễn Văn L được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT IV - TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đức Kiên